TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2023/DS-ST
Ngày: 16 - 5 - 2023
Về việc: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Xuân Đào
2. Ông Vũ Nguyễn Phúc Hậu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2022/TLST-DS ngày 21/10/2022 về "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Qt.

Địa chỉ trụ sở: đường P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Đoàn Tiến Dũng, sinh năm 1996 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà V – sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường L, Phường C, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2021 và đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2022 của Ngân hàng Qt (sau đây viết tắt là Ngân hàng) cùng lời khai của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày như sau:

Ngân hàng Qt và bà V có ký hợp đồng tín dụng số 530343.HDTD801.18 ngày 09/11/2018, để cho bà V vay số tiền là 101.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 19/11/2023, lãi suất tại thời điểm vay là 15,5%/năm cố định trong suốt thời hạn vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; trả tiền gốc và lãi hàng tháng là 2.429.372đồng, trả nợ vào ngày 5 hàng tháng, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 05/12/2018; trả phí theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ.

Sau khi nhận đủ tiền vay nêu trên theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 530343.KUNN801.18 ngày 19/11/2018, bà V đã trả được tổng số tiền là 5.430.000đồng, trong đó nợ gốc là 3.437.097đồng, nợ lãi là 1.992.903đồng. Lần cuối cùng bà V trả nợ là ngày 11/02/2019 và ngưng cho đến nay.

Căn cứ vào bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/02/2018, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng số 5138928739448849, loại thẻ MC V Cash back Platinum cho bà V vào ngày 05/3/2018 với hạn mức thẻ 100.000.000đồng, hiệu lực thẻ đến ngày 31/3/2021, tiền lãi và phí phải trả theo lãi suất và mức phí do Ngân hàng quy định theo Biểu phí thẻ tín dụng V, thời hạn thanh toán là ngày thứ 25 kể từ ngày chốt Kỳ sao kê vào ngày 10 hàng tháng. Bà V đã nhận thẻ vào ngày 06/3/2018, và đã giao dịch/sử dụng số tiền 273.899.122đồng, thanh toán số tiền nợ là 70.377.267đồng. Lần cuối cùng bà V trả nợ là ngày 07/01/2019 và ngưng cho đến nay.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, bà V đã vi phạm nội dung thỏa thuận hợp đồng tín dụng và bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế đã ký. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ hai khoản nợ trên sang nợ quá hạn và đã có Quyết định cùng thông báo thu hồi toàn bộ số nợ gốc gửi bà V, nhưng đến nay bà V vẫn chưa thanh toán nợ cho ngân hàng.

Nay do bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nên Ngân hàng yêu cầu bà V trả ngay cho Ngân hàng Qt tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 16/5/2023 là 388.778.999đồng, trong đó có 194.125.711đồng nợ gốc, lãi trong hạn là 60.424.040đồng, lãi quá hạn 65.053.522đồng, nợ phí là 69.175.726 đồng và tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 530343.HDTD801.18 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 530343.KUNN801.18 kể từ ngày 17/5/2023 cho đến ngày thực tế bà V trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

- Bà V không có ý kiến, không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản nêu ý kiến.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà V trả ngay cho Ngân hàng Qt tổng số tiền vay còn nợ tạm tính đến ngày 16/5/2023 là 388.778.999đồng, trong đó: Hợp đồng tín dụng số 530343.HDTD801.18 gồm nợ gốc 97.562.903đồng, nợ lãi 22.640.719đồng, nợ lãi quá hạn 65.053.522đồng. Tổng là 185.257.144đồng. Thẻ tín dụng số 5138928739448849 gồm nợ gốc 96.562.808đồng, nợ lãi 22.37.783.321đồng, nợ phí 69.175.726đồng. Tổng là 203.521.855đồng. Và tiếp tục trả lãi suất thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 530343.HDTD801.18 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 530343.KUNN801.18 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế bà V trả hết nợ gốc cho Ngân hàng. Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngân hàng Qt đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2021 và văn bản đề ngày 05/11/2022 trong đó ghi người bị kiện là bà V có địa chỉ là đường L, Phường c, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 6 không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án, do bà V không còn cư trú tại địa chỉ mà Ngân hàng cung cấp và hiện không xác định được nơi cư trú của bà V (theo kết quả xác minh ngày 22/11/2022, ngày 11/01/2023 của Công an Phường 9, Quận 6 và công văn số 328/QLXNC-P5 ngày 30/11/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Phòng 5). Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 530343.HDTD801.18 ngày 09/11/2018 và bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/02/2018, có ghi địa chỉ của bà V là đường L, Phường c, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà V, nhưng bà V thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự, là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngân hàng yêu cầu trả số tiền vay còn nợ đối với bà V, có nơi cư trú cuối cùng tại đường L, Phường c, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà V theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét bà V là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà V là bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tòa án nhân dân Quận 6 đã niêm yết hợp lệ cho bà V thông báo thụ lý số 843/TB-TLVA ngày 25/10/2022 về việc thụ lý vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Qt yêu cầu bà V trả tiền vay còn nợ. Phía bà V không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ bà V đã "*không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu …*" mà bên Ngân hàng đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Ngân hàng đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo hợp đồng tín dụng số 530343.HDTD801.18 ngày

09/11/2018, Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 530343.KUNN801.18 ngày 19/11/2018 và bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/02/2018 và bản điều khoản điều kiện thẻ thanh toán V có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, cùng lời khai của đại diện Ngân hàng cho thấy giao dịch giữa Ngân hàng và bà V là "Hợp đồng vay tài sản" có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: bà V vay số tiền là 101.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 19/11/2023, lãi suất tại thời điểm vay là 15,5%/năm cố định trong suốt thời hạn vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; trả tiền gốc và lãi hàng tháng là 2.429.372đồng, trả nợ vào ngày 5 hàng tháng, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 05/12/2018; và được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 5138928739448849, loại thẻ MC V Cash back Platinum với hạn mức sử dụng là 100.000.000đồng, tiền lãi và phí phải trả theo lãi suất mức phí do Ngân hàng quy định theo Biểu phí thẻ tín dụng V, thời hạn thanh toán là ngày thứ 25 kể từ ngày chốt Kỳ sao kê vào ngày 10 hàng tháng.

Đại diện Ngân hàng trình bày: Sau khi nhận đủ tiền vay 101.000.000đồng bà V đã trả được tổng số tiền là 5.430.000đồng, trong đó nợ gốc là 3.437.097đồng, nợ lãi là 1.992.903đồng, lần cuối cùng bà V trả nợ là ngày 11/02/2019 và ngưng cho đến nay. Và sau khi được cấp thẻ tín dụng nêu trên, bà V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 273.899.122đồng, thanh toán số tiền nợ là 70.377.267đồng, lần cuối cùng bà V trả nợ thẻ là ngày 07/01/2019 và ngưng cho đến nay. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ hai khoản nợ trên sang nợ quá hạn.

Như vậy, bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận của hợp đồng nêu trên. Do đó, căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, bà V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ vay gồm:

- Theo hợp đồng tín dụng số 530343.HDTD801.18 ngày 09/11/2018 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 530343.KUNN801.18 ngày 19/11/2018:

+ Số nợ gốc là: 101.000.000đồng - 3.437.097đồng = 97.562.903 đồng;

+ Lãi suất thỏa thuận tại điều 6 của Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 530343.KUNN801.18 ngày 19/11/2018 là 15,5%/năm, lãi suất quá hạn theo điểm g khoản 1.4 điều 1 bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng bằng 150% lãi suất trong hạn là 23,25%/năm. Và theo bản tính lãi đến ngày 16/5/2023 thể hiện nợ lãi trong hạn là 22.640.719đồng và nợ lãi quá hạn 65.053.522 đồng.

+ Tổng cộng là 185.257.144đồng.

- Theo bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/02/2018 và bản điều khoản điều kiện thẻ thanh toán V có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, biểu phí thẻ V (áp dụng từ ngày 08/5/2017, từ 02/4/2018, từ 01/4/2019, từ 20/12/2019) số nợ gốc, lãi và phí phải trả theo thỏa thuận tại Điều 7 và Điều

9 Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V, và theo bản chi tiết tính lãi, phí thẻ tín dụng thì số tiền nợ gốc là 96.562.808đồng, nợ lãi/phí tính đến ngày 10/3/2020 là 37.783.321 đồng lãi trong hạn và 69.175.726đồng phí, tổng cộng là 203.521.855đồng.

- Tổng cộng số tiền bà V phải trả cho Ngân hàng là 388.778.999đồng.

Về thời hạn thanh toán: Số tiền bà V còn thiếu nêu trên đến nay đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận, nên căn cứ Điều 278 Bộ luật Dân sự thì bà V phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 388.778.999đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, bà V còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 530343.HDTD801.18 ngày 09/11/2018 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 530343.KUNN801.18 ngày 19/11/2018, trên dư nợ gốc chưa trả, tính từ ngày 17/5/2023 đến khi trả hết nợ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3].Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Bà V phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay nêu trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 388.778.999đồng x 5%= 19.438.950đồng.

Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.665.747 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0012602 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Qt:

Buộc bà V phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Qt số tiền vay còn nợ tổng cộng là 388.778.999đồng (bao gồm 194.125.711đồng nợ gốc, lãi trong hạn là 60.424.040đồng, lãi quá hạn 65.053.522đồng, nợ phí là 69.175.726 đồng) trong đó:

- Theo hợp đồng tín dụng số 530343.HDTD801.18 ngày 09/11/2018 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 530343.KUNN801.18 ngày 19/11/2018 số nợ gốc là 97.562.903 đồng, nợ lãi tính đến ngày 16/5/2023 là 22.640.719đồng lãi trong hạn và 65.053.522 đồng lãi quá hạn, tổng cộng là 185.257.144đồng.

- Theo bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/02/2018 và bản điều khoản điều kiện thẻ thanh toán V có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, số nợ gốc là 96.562.808đồng, nợ lãi tính đến ngày 10/3/2020 là 37.783.321 đồng, nợ phí tính đến ngày 10/3/2020 là 69.175.726đồng, tổng cộng là 203.521.855đồng.

2. Bà V phải trả cho Ngân hàng Qt toàn bộ số tiền 388.778.999 (ba trăm tám mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm chín mươi chín) đồng nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà V còn phải trả cho Ngân hàng Qt tiền lãi quá hạn theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 530343.HDTD801.18 ngày 09/11/2018 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 530343.KUNN801.18 ngày 19/11/2018, trên dư nợ gốc chưa trả theo hợp đồng tín dụng số 530343.HDTD801.18 ngày 09/11/2018 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 530343.KUNN801.18 ngày 19/11/2018, tính từ ngày 17/5/2023 đến khi trả hết nợ vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 19.438.950 (mười chín triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn chín trăm năm mươi) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Qt số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.665.747 (tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi bảy)đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0012602 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Qt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Sa